

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/05/2022

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+TD1+P5	7:25	19+2+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	
2		BK9+CTK3+TGTH4 24 T.UNG	7:25	4+15+2	0+0+0		4+16+2	0+0+0	Chuyen 1 BK9- CTK3
3			7:25	13	0		16	0	
4		BK14+CNV+AMD	9:25	10+7+4	0+0+0		6+7+6	0+0+0	
5		CTK3+P6+P7	9:25	20+1+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
6		AMD+TGTH1+HST	11:25	16+2+1	0+0+0		15+2+2	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - TDI - P5	CREW: Phong - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THÀNH HÙNG	PPD	23-25	3	17		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	26-27	2	8	100	67	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN NINH	PPD	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	13-14	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN ĐÀO	PPD	11-12	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT TIỀN	PPD	19-20	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM LÊ DUƠNG	PPD	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BIỆN MINH SƠN	PPD	18	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	15	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN VIỆT	PPD	06	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN NHẢ	PPD	07-08	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	01-02	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KIM THẠCH	PPD	21-22	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LAM	PPD	17	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	10	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NGHĨA	TDI	55	1	5	20	85	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HÀ	TDI	53-54	2	12		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	27	147	1.325	100	20		
2	TDI	2	3	17	157	20	0		
3	P5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	30	164	1.482	120	22		
WEIGHT KG				164	1.482	120			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/05/2022	TO: BK9 - CTK3 - TGTTH4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - XHOÀN - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG NGỌC TÙNG	BK9	88	1	18		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK9	89	1	10	74	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK9	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK9	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN PHÁT THĂNG	CTK3	43	1	4		65	YTE	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN DƯƠNG	CTK3	41-42	2	10		58	PVCHEM	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI KHÁC PHONG	CTK3	33	1	9	60	72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	39	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	47-48	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HÀ MINH GIANG	CTK3	37	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	34-35	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUỖNG	CTK3	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	46	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	36	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	44-45	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DÂN	CTK3	51-53	3	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	38	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TỰ	TGTTH4	02	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG LONG	TGTTH4	69,01	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	4	38	275	74	4	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ BK9 SANG CTK3
2	CTK3	15	21	112	1.080	60	16		
3	TGTTH4	2	3	25	135	0	2		
TOTAL		21	28	175	1.490	134	22		
WEIGHT KG				175	1.490	134			

GRAND TOTAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: T.UNG	CREW: Phương - CHIẾN	ETA: 10:50
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO QUỐC KHÁNH	T.UNG	43	1	11	46	65	PV GAS	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG KHANH	T.UNG	44	1	6		67	PV GAS	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	T.UNG	38	1	5		82	PVEP ITC	Vietnamese
4	HUYNH HIỆU NGHĨA	T.UNG	34	1	9		82	PVEP ITC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	33	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
6	MAKSIMOV	T.UNG	45	1	12		126	KH-THAC	Russian
7	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	35	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	40	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	37	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	T.UNG	41	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	42	1	6	17	78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	36	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	13	13	81	928	63	16		
TOTAL		13	13	81	928	63	16		
WEIGHT KG				81	928	63			

GRAND TOAL: 1.072 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2250kg (Đảm)



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: BK14 - CNV - AMD	CREW: Phong - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NAM HAI	BK14	36-37	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM ĐỨC BÌNH	BK14	35	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯU THIẾ ANH	BK14	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG AN	BK14	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN TIẾN	BK14	30	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐAN QUÊ	BK14	34	1	12	15	75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	BK14	29	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TUYẾT	BK14	31-32	2	15		65	DVL	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HÙNG	BK14	33	1	10		65	DVL	Vietnamese
10	PHAN TIẾN CƯỜNG	BK14	28	1	5		52	PSV	Vietnamese
11	LÊ QUỐC CƯỜNG	CNV	16	1	5		65	PV-CHEM	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	15	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN THAI	CNV	17-18	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HẠO	CNV	14	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN THỊNH	CNV	13	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG THO	AMD	60,65	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
19	IAN RAMSEY	AMD	97-98	2	10		100	BAB/VSP	British
20	PHẠM VĂN LÂM	AMD	500	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	61-62	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	10	12	89	716	15	6		
2	CNV	7	8	49	461	50	7		
3	AMD	4	7	40	302	0	6		
TOTAL		21	27	178	1,479	65	19		
WEIGHT KG				178	1,479	65			

GRAND TOTAL: 1,722 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

VNII
VNII SOUTH

FLIGHT MANIFEST



VIETSOV PETRO

DATE: 02/05/2022	TO: CTK3 - P6 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - XHOÀN - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SY LONG	CTK3	86	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH QUANG	CTK3	88	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM QUANG THAI	CTK3	85	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN BINH	CTK3	79	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	75	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN HUU BAO	CTK3	69	1	5	18	92	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN HAI	CTK3	89	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THÀNH	CTK3	72	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	83	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG AN	CTK3	87	1	16	40	82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MANH HUNG	CTK3	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU HOANG ANH	CTK3	82	1	10		96	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ NGỌC CHÍNH	CTK3	84	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HUU TUNG	CTK3	90-91	2	10		70	SANBAY	Vietnamese
15	TRAN VAN HUU	CTK3	73	1	8		60	PSV	Vietnamese
16	BUI ĐỨC CHÍNH	CTK3	71	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	76	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HAI HOAN	CTK3	77-78	2	10		65	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN QUAN	CTK3	74	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	LE VAN DUAN	CTK3	80-81	2	11		58	PSV	Vietnamese
21	LE TRUNG TUAN	P6	62	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	23	159	1.471	58	19		
2	P6	1	1	15	74	0	1		
3	P7	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		21	24	174	1.545	98	22		
WEIGHT KG				174	1.545	98			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNII REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/05/2022	TO: AMD - TGTH1 - HST	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ATUẤN - Trưởng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG THỂ KHAI	AMD	07	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN LÂM	AMD	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG MANH PHU	AMD	01	1	10	60	80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	10-11	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH CÔNG HOANG	AMD	03-04	2	8		60	PSV	Vietnamese
6	LÊ VĂN THIÊN	AMD	08	1	7		66	PSV	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TUÂN	AMD	05	1	5		85	PSV	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	09	1	5		64	PSV	Vietnamese
9	PHAN LÊ MINH TOÀN	AMD	06	1	6		80	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH1	83	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT THĂNG	TGTH1	96	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TUÂN CHUNG	HST	35	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	66	636	60	15		
2	TGTH1	2	2	19	152	0	2		
3	HST	1	1	10	63	0	2		
TOTAL		12	14	95	851	60	19		
WEIGHT KG				95	851	60			

GRAND TOTAL: 1.006 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel 1300 kg (Pilot)

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+BK10+RC5	7:25	16+6+0	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
2		BK4+P11+P9	7:25	4+6+10	0+0+0		4+7+11	0+0+0	chuyen 1-p11-p9
3		P1+BK3+P10	7:25	3+9+9	0+0+0		0+8+10	0+0+0	
4		PVD1+BK9+RP3	9:25	17+0+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
5		BK8+P9+P2	9:25	0+0+14	0+0+0		0+1+21	0+0+0	chuyen 7 bk8-p9, 1 bk8-p2
6		P9+PVD2+TD5	11:25	11+2+0	0+0+0		10+6+6	0+0+0	chuyen 2 p9-pvd2
7		P2+BK10+MRM	11:25	4+3+10	0+0+0		3+4+14	0+0+0	chuyen 1 P2-BK10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người P11 qua P9 sau đó đi PVD2 chuyển sau
2/BK10-3 người đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	TO: P10 - BK10 - RC5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÂN MINH TÂN	P10	28	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	25	1	4		72	KH-THAC	Russian
3	HOANG SY NGOC	P10	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THAO	P10				15	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC KHANH	P10	22	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN HUONG	P10	23-24	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CUONG	P10	30	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ĐANG HOANG	P10	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG SY NGUYEN	P10	18	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO LỆNH ĐẠO	P10	31-32	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HAI HA	P10	36,38	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VU KIEN	P10	21	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC ANH	P10	26	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN BAO TOAN	P10	19-20	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG THANG	BK10					75	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM THI HUONG	BK10	76	1	3		63	NIPI	Vietnamese
17	KYREEV	BK10					85	NIPI	Russian
18	NGUYEN VAN HONG	BK10	79	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CHAU NAM	BK10	78	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN ANH	BK10	77	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	17	98	1.013	15	12		
2	BK10	6	4	29	438	0	4		
3	RC5	0	0	0	0	60	6		
TOTAL		20	21	127	1.451	75	22		
WEIGHT KG				127	1.451	75			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK4 - P11 - P9	CREW: Nam - NPhú - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK4	27	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	25-26	2	12	50	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	28	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	99	1	7		68	PSV	Vietnamese
5	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	20-21	2	6		64	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ANH MINH	P11	14-15	2	16		79	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P11	12-13	2	10	20	63	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	16	1	8		70	PSV	Vietnamese
9	PHẠM PHI LONG	P11	17	1	7		70	PSV	Vietnamese
10	TRẦN QUANG PHÚ	P11	18-19	2	10		63	DK9	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG HIỆU	P9	83	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨ	P9	81	1	7		70	YTE	Vietnamese
13	TRẦN VĂN QUÊ	P9	79	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DỤC THANH	P9	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHỤ	P9	82	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LĂNG TỬ	P9	85	1	6	48	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TUNG	P9	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TIẾN PHƯƠNG	P9	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	84	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUY	P9	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	4	5	33	281	50	4		CHUYỂN 01 PAX TỪ P11 SANG P9
2	P11	6	10	57	409	20	7+1		
3	P9	10	10	54	702	48	11		
TOTAL		20	25	144	1.392	118	22		
WEIGHT KG				144	1.392	118			

GRAND TOTAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/05/2022	TO: P1 - BK3 - P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - T.Hiếu - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ DUY AN	P1	81	1	12		116	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TUNG	P1	80	1	8		70	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VIỆT	P1	79	1	6		71	ANTOAN	Vietnamese
4	THAI HAI HA	BK3	96-97	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG VINH	BK3	05	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRẦN VIỆT	BK3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	399	1	4	50	60	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC VƯỢNG	BK3	01-02	2	16		59	MMS-SOTS	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THANH	BK3	398	1	7	40	60	MMS-SOTS	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG ANH	BK3	98	1	12		61	MMS-SOTS	Vietnamese
11	TRẦN THANH SƠN	BK3	03-04	2	11		78	MMS-SOTS	Vietnamese
12	NGUYỄN THAI HOÀ	BK3	94-95	2	11		62	MMS-SOTS	Vietnamese
13	ĐO TRƯỞNG THỊNH	P10	08	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	04	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	06	1	5	22	62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	09	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	01	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CÔNG VĂN	P10	05	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	VU PHƯƠNG HƯƠNG	P10	07	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	10	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH QUANG SƠN	P10	02	1	11	11	57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	3	3	26	257	0	0		
2	BK3	9	13	85	574	90	8		
3	P10	9	9	53	618	33	10		
TOTAL		21	25	164	1.449	123	18		
WEIGHT KG				164	1.449	123			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: PVD1 - BK9 - RP3	CREW: VThắng - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

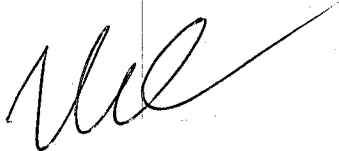
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD1	01	1	10		70	PVDRILLI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐƯƠNG	PVD1	81,96	2	10		70	PVDRILLI	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN TRUNG	PVD1	80	1	5		56	PVDRILLI	Vietnamese
4	PHẠM HỮU MẠNH	PVD1	79	1	5		68	PVDRILLI	Vietnamese
5	PHAN NGOC TỰU	PVD1	97	1	5		60	PVDRILLI	Vietnamese
6	VU VAN TANG	PVD1	99	1	10		68	PVDRILLI	Vietnamese
7	HUYNH TUAN NGHI	PVD1	400	1	5		80	PVDRILLI	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC TRIỆU	PVD1	77	1	5		75	PVDRILLI	Vietnamese
9	ĐỖ MINH HAI	PVD1	98	1	10		70	PVDRILLI	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN TẠO	PVD1	78	1	5		63	PVDRILLI	Vietnamese
11	DƯƠNG TUÂN VŨ	PVD1	72	1	5		65	PVDRILLI	Vietnamese
12	ĐOÀN QUỐC VIỆT	PVD1	69	1	5		72	PVDRILLI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH DƯƠNG	PVD1	71	1	5		65	PVDRILLI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG PHÚC ANH	PVD1	70	1	10		65	PVDRILLI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THU	PVD1	67-68	2	10		60	BAKER HU	Vietnamese
16	TRẦN QUANG ỨT	PVD1	72-73	2	17		70	SCHLUMB	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PVD1	74-75	2	18		50	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

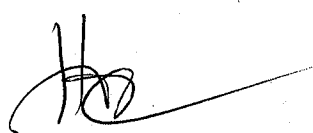
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	17	21	140	1.127	0	16		
2	BK9	0	0	0	0	0	4		
3	RP3	0	0	0	0	60	2		
TOTAL		17	21	140	1.127	60	22		
WEIGHT KG				140	1.127	60			

GRAND TOAL: 1.327 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	TO: BK8 - P9 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - NPhú - Vũ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LONG	P2	69	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG MINH QUÂN	P2	94	1	5	10	70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VĂN CUÔNG	P2	75	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
5	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI HAO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ CÔNG ANH	P2	72	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC MINH	P2	70	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG THANH TRUNG	P2	67	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HOANG TAM	P2	76	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VĂN ĐỒNG	P2	68	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	74	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	71	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG QUỐC VIỆN	P2	73	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	30	0 + 8		CHUYEN 7 PAX BK8-P9, 1 PAX BK8-P2
2	P9	0	0	0	0	20	1		
3	P2	14	12	78	1.010	10	21		
TOTAL		14	12	78	1.010	60	22		
WEIGHT KG				78	1.010	60			

GRAND TOAL: 1.148 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	TO: P9 - PVD2 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: QViệt - N.Anh - Huy	ETA: 13:10
VANG-3			

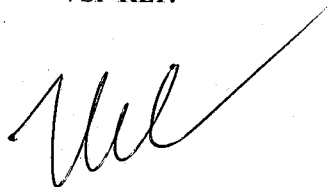
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	25	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI CÔNG THẮNG	P9	22	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH HUY KHIÊM	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NAM GIANG	P9	21	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	28-29	2	11		55	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HAI	P9	24	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TUẤN MẠNH	P9	23	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUNG DŨNG	P9	31	1	11	21	77	DVL	Vietnamese
10	BUI HUY BĂNG	P9	30	1	15		66	DVL	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HIỆP	P9	27	1	14		70	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT THANH	PVD2	86-87	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU TIẾN THANH	PVD2	85	1	6	20	75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU NGUYỄN TRUNG	PVD2					50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	11	11	90	790	21	10+	2	CHUYEN 2 PAX P9-PVD2
2	PVD2	3	3	14	185	20	6		
3	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		14	14	104	975	41	22		
WEIGHT KG				104	975	41			

GRAND TOAL: 1.120 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 7	TO: P2 - BK10 - MRM	CREW: Linh - Dương - Toan	ETA: 13:15
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ HỮU LINH	P2	95	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG CAM	P2	01	1	12		76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG HUY	P2	98-99	2	15		70	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN HONG MINH	P2	96-97	2	15		75	PSV	Vietnamese
5	MAI CAO ĐỊNH	BK10	81	1	6		60	PSV	Vietnamese
6	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	BK10					70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THIÊN NAM	BK10	80	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	MOLODYKH MIKHAIL	MRM	98	1	6		70	AMNGR	Russian
9	LYMAR OLEG	MRM	93-95	3	15		69	AMNGR	Russian
10	KULIK VIACHESLAV	MRM	91-92	2	12		65	AMNGR	Russian
11	DIACHUK DMITRII	MRM	90	1	12		62	AMNGR	Russian
12	OLESHKEVICH DMITRII	MRM	89	1	10		94	AMNGR	Russian
13	NGUYỄN NGỌC NINH	MRM	300	1	15		74	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VINH KHA	MRM	86	1	12		76	DVL	Vietnamese
15	DƯƠNG THẾ ĐỨC	MRM	85	1	12		76	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	MRM	84	1	12		68	DVL	Vietnamese
17	LƯU ĐỊNH TRỌNG	MRM	87-88	2	15		79	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	6	53	309	0	4+	1	CHUYEN 1 PAX P2-BK10
2	BK10	3	2	10	202	0	4		
3	MRM	10	14	121	733	0	14		
TOTAL		17	22	184	1.244	0	22		
WEIGHT KG				184	1.244	0			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN